BÀI GIẢNG: TRI THỨC NGỮ VĂN; LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU
CHUYÊN ĐỀ: TIẾNG CƯỜI TRÀO PHÚNG TRONG THƠ
MÔN: NGỮ VĂN
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HỒNG LAN

MỤC TIÊU

- ✓ *Nắm được đặc điểm thơ trào phúng.*
- ✓ *Nhận diện được thơ trào phúng.*
- ✓ *Nắm được những giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản "Lễ xướng danh khoa Đinh Dậu".*

I. TRI THỨC NGỮ VĂN

1 Đặc điểm thơ trào phúng

Nội dung	Nghệ thuật
Phê phán những cái chưa hay, chưa đẹp, tiêu cực, xấu xa. Hướng con người tới các giá trị thẩm mĩ, nhân văn hoặc lí tưởng sống cao đẹp.	Thường sử dụng so sánh, ẩn dụ, nói quá, … Hiệu quả: tạo tiếng cười mỉa mai, nhẹ nhàng hoặc đả kích sâu cay.

2 Nhận diện thơ trào phúng

- Trình bày bằng hình thức thơ.
- Đối tượng văn bản nhắm tới là những cái chưa hay, chưa đẹp hoặc cái tiêu cực, xấu xa.
- Tác giả dùng tiếng cười giễu cợt, mỉa mai, châm biếm, đả kích, … để thể hiện cảm xúc, thái độ đối với đối tượng.

=> Hướng tới giá trị nhân văn cao cả.

II. VĂN BẢN: LỄ XƯỚNG DANH KHOA ĐINH DẬU

1 Đọc – tìm hiểu chung

* Tác giả:

- Trần Tế Xương 1870-1907.
- Quê: Vị Xuyên, Mĩ Lộc, Nam Định.
- Được gọi là Tú Xương (đỗ Tú Tài), có tài nhưng lận đận thi cử.
- Ông thi hỏng 3 lần trước khi đỗ Tú tài, sau đó không thể lên được cử nhân dù rất kiên trì theo đuổi.

* Tác phẩm:

- Trên 100 bài, chủ yếu thơ Nôm viết bằng nhiều thể thơ, một số bài tế, phú, đối, …

- Một số tác phẩm: Thương vợ; Ông cò; …

- Phong cách: kết hợp hài hòa hiện thực trào phúng và trữ tình, giọng thơ châm biếm sâu cay, tạo nên bức tranh hiện thực.

- HCST: Năm 1897 (năm Đinh Dậu), kì thi Hương 3 năm một lần ở Hà Nội bị Pháp bãi bỏ để tổ chức chung cho trường Nam Định và trường Hà Nội.

- Bối cảnh lịch sử: Pháp xâm lược, văn hoá phương Tây du nhập, mất đi nhiều giá trị truyền thống.

- Thể loại:

+ Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật.

+ Vịnh: gọi lối thơ mà các thi nhân xưa thường dùng để ngâm về phong cảnh hoặc sự vật, hiện tượng trước mặt.

- Bố cục: Theo thể thơ thất ngôn bát cú Đường luật: 4 phần

+ Hai câu đề: Giới thiệu về khoa thi năm Đinh Dậu

+ Hai câu thực: Cảnh trường thi trong thực tế.

+ Hai câu luận: Cảnh người nước ngoài xuất hiện.

+ Hai câu kết: Tâm trạng, nỗi lòng của nhà thơ.

2 Tìm hiểu văn bản

a. Giới thiệu khoa thi Đinh Dậu

- Nhà nước: cơ quan đầu não của một đất nước => nói một cách trang trọng.

- Thi lẫn: sự tạp nham, mất đi vẻ nghiêm trang của một kì thi quốc gia.

- Thời gian thi: kì thi Hương 3 năm tổ chức một lần.

- Hình thức thi: trường Nam Định thi lẫn với trường Hà Nội.

=> Phơi bày sự thối nát của một kì thi quốc gia, phê phán "nhà nước" thực dân vô trách nhiệm chỉ qua một từ "lẫn".

b. Khung cảnh trường thi

**** Sĩ tử và quan viên người Việt:*** Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ/ Ậm ọe quan trường miệng thét loa.

+ Biện pháp đảo ngữ:

Đảo "lôi thôi" lên trước "sĩ tử": nhấn mạnh dáng vẻ của sĩ tử.

Đảo "ậm ọe" lên trước "quan trường": nhấn mạnh bộ dạng, giọng điệu quan trường.

- Lôi thôi: cách ăn mặc không gọn gàng, chỉnh tề.

- Ậm ọe: lầm bầm không ra lời, nghe không rõ.

+ Phép đối:

Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ

Ậm ọe quan trường miệng thét loa.

Tạo ra hình ảnh sóng đôi, tạo nhịp điệu cho câu thơ.

Nhấn mạnh hình ảnh:

"Sĩ tử": vốn phải nghiêm chỉnh, gọn gàng, nay lại lôi thôi không chỉnh tề.

"Quan trường" vốn phải trang nghiêm, dõng dạc, nay lại ậm ọe không nghiêm túc, thiếu sự đàng hoàng.

=> Thái độ của tác giả:

+ Đối với các sĩ tử: cảm thấy nhếch nhác đáng thương đeo lọ nước.

+ Đối với quan trường: khinh ghét ra mặt.

=> Cảnh thi cử mất đi sự thiêng liêng, nghiêm túc vốn có mà trở nên lộn xộn, ầm ĩ như họp chợ.

=> Đánh giá, phê phán xã hội thối nát.

Quan sứ và mụ đầm

- Quan sứ, mụ đầm: đại diện cho sự xuất hiện của chính quyền thực dân Pháp. Quyết định số phận của các sĩ tử là "kẻ ngoại lai" không biết gì về Nho học.

- "Cờ kéo rợp trời" đón tiếp trang nghiêm, linh đình.

- "Váy lê quét đất" cách ăn mặc lòe loẹt, lố lăng.

Cờ kéo rợp trời quan sứ đến,

Váy lê quét đất, mụ đầm ra

- Phép đối ý: tạo hình ảnh sóng đôi, tạo nhịp điệu cho câu văn.

+ Quan sứ: kẻ cướp nước lại được tiếp đón "cờ kéo rợp trời".

+ Mụ đầm: thân là nữ nhi không thể xuất hiện chốn trường thi lại "váy lê quét đất" bước ra.

=> Thái độ của tác giả:

+ Bức tranh biếm họa về trường thi đầy rẫy những đối lập trớ trêu.

+ Nỗi đau, nỗi nhục mất nước đầy cay đắng.

Lôi thôi sĩ tử vai đeo lọ

Ậm ọe quan trường miệng thét loa.

Cờ kéo rợp trời quan sứ đến,

Váy lê quét đất, mụ đầm ra

- Hình ảnh đối lập giữa người Việt và người nước ngoài: người nước ta lôi thôi, lếch thếch >< kẻ ngoại lai lại được tiếp đón nồng hậu.

c. Thái độ, tâm trạng của nhà thơ

- Nhân tài đất bắc: những ông nghè, ông cống những con người có lòng tự tôn dân tộc ….

- Cảnh nước nhà: hiện trạng đất nước và nỗi nhục mất nước

=> Đặt ra câu hỏi và lời khẩn thiết kêu gọi những trí thức có lòng tự trọng hãy thức tỉnh trước hiện trạng đất nước.

=> Tấm lòng yêu nước, căm ghét bọn thực dân xâm lược.

d. Tổng kết

- Nội dung: qua việc tái hiện hình ảnh thảm hại của kì thi năm Đinh Dậu tại trường Hà Nam, nhà thơ bày tỏ sự xót xa, đau đớn của con người trước tình cảnh thảm hại của các nhà Nho vào thời kì mạt vận của Nho học.

- Nghệ thuật:

+ Nghệ thuật đối, đảo ngữ.

+ Ngôn ngữ có tính chất khẩu ngữ, trong sáng, giản dị nhưng giàu sức biểu cảm.

HƯỚNG DẪN GIẢI

Câu 1: Thái độ và tâm trạng của tác giả trước cảnh trường thi?

Cách giải:

A. Vui mừng, tự hào

B. Tiếc nuối, bâng khuâng

C. Buồn bã, sầu thảm

D. Phẫn uất, xót xa, ngậm ngùi

Chọn D.

Câu 2: Giá trị tư tưởng thể hiện ở hai câu cuối là gì?

Cách giải:

A. Nhắc nhở người dự thi về hoàn cảnh đất nước.

B. Muốn đánh thức ý thức dân tộc trong mỗi người, đặc biệt là người tài.

C. Khơi gợi tình yêu dân tộc.

D. Nhấn mạnh tình yêu nước của mỗi thí sinh.

Chọn B.

Câu 3: Giá trị tư tưởng trong bài thơ đó còn có thể hiểu là:

Cách giải:

A. Tư tưởng thân dân **B.** Tư tưởng dân chủ **C.** Tư tưởng yêu nước **D.** Tư tưởng yếm thế

Chọn C.